

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 223/2024/KDTM-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Phúc;
- Bà Đàm Thị Hồng Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 46/2024/TLST – KDTM ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14593/2024/QĐXXST- KDTM ngày 09/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16273/2024/QĐST- KDTM ngày 30/8/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH S1; Trụ sở: 162 T, KDC H, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Đỗ Tiến Đ, sinh năm 1997; Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 2000; Cùng địa chỉ liên hệ: 04 T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01/2023/GUQ này 21/11/2023).

- **Bị đơn:** Công ty TNHH N. Trụ sở: 2 L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Bà Nguyễn Huỳnh M, sinh năm 1980 - Là đại diện theo pháp luật; Địa chỉ: C L, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ.

Phiên tòa vắng mặt ông Đ, bà L (có yêu cầu); bà M vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 04/3/2024, tại các bản khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/9/2024, bà Lê Thị Kim L là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn - Công ty TNHH S1, trình bày:

Ngày 05/01/2021, Nguyên đơn là Công ty TNHH S1 ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 với Bị đơn là Công ty TNHH N (Sau đây gọi tắt là “Hợp đồng mua bán số 01”). Theo đó, Bị đơn chịu trách nhiệm nhập mua hàng hóa và bán lại cho Nguyên đơn với giá bán được cam kết thống nhất từ khi ký hợp đồng cho đến lúc hoàn tất giao hàng, không phát sinh bất kỳ sự thay đổi nào. Giá bán bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh (giá nhập hàng, cước tàu, thuế VAT, chi phí thông quan, giao hàng tại địa chỉ Nguyên đơn). Giá trị hợp đồng là 13.243.230.000 đồng (đã bao gồm VAT) được các bên thanh toán trong 03 đợt thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bị đơn (tài khoản số 1013214755 mở tại Ngân hàng TMCP N1 – Chi nhánh T), cụ thể như sau:

Đợt 1: Thanh toán 30% giá trị hợp đồng tương đương 3.972.969.000 đồng trước 12 giờ 00 phút ngày 06/01/2021;

Đợt 2: Thanh toán 60% giá trị hợp đồng tương đương 7.945.938.000 đồng ngày khi Bị đơn gửi bản scan bill tàu. Thời gian dự kiến là sau khi tàu chạy, khoảng ngày 16/01/2021;

Đợt 3: Thanh toán 10% giá trị còn lại tương đương 1.324.323.000 đồng ngay khi Bị đơn gửi bản scan thông báo hàng đến cảng. Dự kiến ngày 15 hoặc 18/01/2021.

Do nhà máy sản xuất không đáp ứng được yêu cầu hàng hóa nên ngày 18/01/2021, Nguyên đơn và Bị đơn ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/NGT-MTX/2021 thống nhất điều chỉnh chi tiết hàng hóa và giá trị của Hợp đồng mua bán số 01, cụ thể như sau:

	Sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (+VAT)	Thành tiền (+VAT)
Hợp đồng mua bán số 01	Tấm pin năng lượng mặt trời Nhãn hiệu:	Tấm	4.620	2.866.500	13.243.230.000

	Sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (+VAT)	Thành tiền (+VAT)
	<p>Longi</p> <p>Model: LR4-72HPH-455M</p> <p>Đơn giá (+VAT)/W: 6.300</p> <p>Load cont: 30 tấm/pallet * 22 pallet</p> <p>Số lượng pallet: 154 pallet</p> <p>Tổng số tấm: 4.620 tấm</p> <p>Tổng số watt: 2.102.200 watt</p>				
<p>Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/NGT-MTX/2021</p> <p>(Thay đổi)</p>	<p>Tấm pin năng lượng mặt trời</p> <p>Nhãn hiệu: Longi</p> <p>Model: LR4-72HPH-450M</p> <p>Đơn giá (+VAT)/W: 6.300</p> <p>Load cont: 30 tấm/pallet * 22 pallet</p> <p>Số lượng pallet: 154 pallet</p> <p>Tổng số tấm: 4.620 tấm</p> <p>Tổng số watt:</p>	Tấm	4.620	2.835.000	13.097.700

	Sản phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (+VAT)	Thành tiền (+VAT)
	2.079.000 watt				

Tổng giá trị hợp đồng sau khi được điều chỉnh là 13.097.700.000 đồng (đã bao gồm VAT). Lịch thanh toán được các bên thống nhất lại như sau:

Đợt 1: Thanh toán 3.972.969.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

Đợt 2: Thanh toán 3.929.310.000 đồng trễ nhất trước 12h00 ngày 18/01/2021;

Đợt 3: Thanh toán 5.195.421.000 đồng trước 12h00 ngày 20/01/2021.

Ngoài ra, Phụ lục còn cập nhật địa điểm và thời gian giao hàng như sau: Bị đơn có nghĩa vụ giao hàng cho Nguyên đơn tại công trình ở Trà Vinh vào ngày 20/01/2021 (giao 02 container ngay sau khi Bị đơn nhận đủ thanh toán của Nguyên đơn) và vào ngày 21/01/2021 (giao 05 container hàng còn lại). Các nội dung còn lại giữ nguyên như Hợp đồng mua bán số 01.

Thực hiện Hợp đồng mua bán số 01 và Phụ lục, Nguyên đơn đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán số tiền 13.097.700.000 đồng cho Bị đơn theo Chứng từ giao dịch ngày 06/01/2021 số tiền 3.972.969.000 đồng; Phiếu báo nợ ngày 16/01/2021 số tiền 3.929.310.000 đồng; Phiếu báo nợ ngày 26/01/2021 số tiền 5.195.421.000 đồng.

Ngược lại, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ khi chậm bàn giao hàng hóa theo thời hạn thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng. Cụ thể, Bị đơn chỉ giao được số lượng hàng hóa là 1.980 tấm pin năng lượng mặt trời, nhãn hiệu longi, model LR4-72HPH-450M, đơn giá 2.835.000 đồng (đã bao gồm VAT) tương ứng số tiền là $1.980 \times 2.835.000$ đồng = 5.613.300.000 đồng (đã bao gồm VAT). Tuy nhiên, khi Nguyên đơn nhận được Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000062 ngày 21/5/2021 do Bị đơn xuất thì hóa đơn đã có sai sót về đơn giá 2.730.000 đồng (chưa bao gồm VAT) nên giá trị 1.980 tấm pin theo hóa đơn là $1.980 \times 2.730.000$ đồng x 10% VAT = 5.945.940.000 đồng (đã bao gồm VAT) cao hơn giá trị hàng hóa thực tế Bị đơn đã giao. Đây là hóa đơn mà Bị đơn xuất cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn không thể điều chỉnh được số liệu này. Bị đơn cũng đã xác nhận số lượng hàng hóa đã giao là 1.980 tấm pin năng lượng mặt trời tương ứng số tiền 5.613.300.000 đồng; số lượng hàng hóa còn lại chưa giao là 2640 tấm pin năng lượng mặt trời tương ứng với số tiền 7.484.400.000 đồng tại Thư yêu cầu xác nhận công nợ ngày 26/5/2021.

Bị đơn đã nhiều lần gửi công văn, trao đổi, xin gia hạn thời gian giao hàng thể hiện tại Công văn số 10/CV-CTY/NGT-21 ngày 11/3/2021; Công văn số

15/CV-CTY/NGT-21 ngày 02/4/2021 của Bị đơn gửi cho Nguyên đơn và Biên bản làm việc ngày 19/3/2021 giữa hai bên. Theo đó, Bị đơn đề nghị thời gian giao hàng được thực hiện chậm nhất đến ngày 15/4/2021 trường hợp không thể giao hàng thì sẽ thu xếp hoàn tiền, đồng thời đề xuất Nguyên đơn có thể xem xét xử lý cản trở công nợ bằng bộ biến tần Sungrow mà Bị đơn đang có sẵn tồn kho.

Dù vậy, cho đến hết ngày 15/4/2021 Bị đơn vẫn tiếp tục không thực hiện được nghĩa vụ giao đầy đủ hàng hóa cho Nguyên đơn. Nguyên đơn cũng đã ban hành Công văn số 04/CV-MTX-21 ngày 12/4/2021 không đồng ý tiếp tục nhận hàng hóa mà yêu cầu Bị đơn hoàn lại số tiền đã thanh toán đối với số lượng hàng hóa chưa giao là 7.484.400.000 đồng tương đương 2.640 tấm pin chậm nhất vào ngày 15/4/2021.

Trên tinh thần thiện chí hợp tác, Nguyên đơn đồng ý nhận một số hàng hóa là bộ nghịch lưu S, thiết bị giám sát Sungrow để cản trở công nợ theo Hóa đơn số 0000080 ngày 28/10/2021 với số tiền 1.150.000.000 đồng; Hóa đơn số 0000082 ngày 17/11/2021 với số tiền 400.000.000 đồng.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2022, Bị đơn xác nhận đến cuối ngày 31/12/2021, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 5.934.400.000 đồng (đã cản trừ số tiền 1.150.000.000 đồng và 400.000.000 đồng) và đến nay vẫn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào.

Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của mình, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Bị đơn hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 5.934.400.000 đồng do không thực hiện được nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 ngày 05/01/2021 và Phụ lục hợp đồng ngày 18/01/2021;

- Buộc Bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng mua bán số 01 (tạm tính từ 21/01/2021 đến ngày 26/5/2021) là 93.555.000 đồng;

- Buộc Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 12.5%/năm, cụ thể:

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 7.484.400.000 đồng x 194 ngày (từ ngày 16/4/2021 đến ngày 27/10/2021) x 12.5%/năm = 497.251.233 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 6.334.400.000 đồng x 19 ngày (từ ngày 28/10/2021 đến ngày 16/11/2021) là 41.216.986 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 5.934.400.000 đồng x 1024 ngày (tạm tính từ ngày 17/11/2021 đến ngày 06/9/2024) là 2.081.104.658 đồng.

Tổng số tiền lãi là 2.619.572.877 đồng.

Ngày 05/9/2024, Nguyên đơn có Đơn xác định lại nội dung khởi kiện và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đó Nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt vi phạm, giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác.

** Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng Bị đơn vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và không giao nộp các tài liệu, chứng cứ nào.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp . phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc còn thiếu và lãi suất chậm thanh toán theo yêu cầu của Nguyên đơn. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện buộc Bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm nghĩa vụ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

[2] Xét, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Tại hợp đồng, các bên không có thỏa thuận riêng về việc lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận A, Tp .. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1,

Tp . theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về việc thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và xét xử vắng mặt đương sự:*

[4] Xét theo kết quả cung cấp thông tin của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H và Công an phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến ngày 24/6/2024 Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại 2 L, phường B, Quận A, Tp ., hiện chưa đăng ký giải thể, tuy nhiên Bị đơn không thường xuyên hoạt động tại địa chỉ trên. Bị đơn có bà Nguyễn Huỳnh M là Người đại diện theo pháp luật. Căn cứ thông tin người đại diện theo pháp luật của Bị đơn được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Mã số doanh nghiệp: 0316188037, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/01/2021), Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bà Nguyễn Huỳnh M tại địa chỉ C L, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ. Căn cứ kết quả xác minh của Công an B, Thành phố Cần Thơ cho biết tại địa chỉ C L, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ không có người tên Nguyễn Huỳnh M.

[5] Xét, Bị đơn thay đổi địa chỉ hoạt động nhưng không thông báo cho Nguyên đơn biết được xem là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung, địa chỉ trụ sở ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là cơ sở thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt.

[6] Xét, Bị đơn hiện không thường xuyên hoạt động tại địa chỉ trụ sở; Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn không đăng ký thường trú/tạm trú, cư trú tại địa chỉ ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Bị đơn không cung cấp, Tòa án không thu thập được bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến địa chỉ thực tế hoạt động của Bị đơn và nơi đăng ký thường trú/tạm trú, cư trú của Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn do đó việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Bị đơn và Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn. Do đó, Tòa án tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[7] Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; thời gian địa điểm diễn ra các buổi làm việc, phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án tại Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cơ quan thường trú Đ1 tại Thành phố Hồ Chí Minh (phát sóng ngày 08, 09 và 10/7/2024), B1 (số 187 ngày 05/7/2024, số 188 ngày 06/7/2024, số 189 ngày 07/7/2024) tuy nhiên Bị đơn và Người đại

diện theo pháp luật của Bị đơn liên tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[8] Nguyên đơn có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét là tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên chấp nhận theo khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[9] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:*

[10] Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc Bị đơn thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại Điều 7 Hợp đồng mua bán số 01 (tạm tính từ 21/01/2021 đến ngày 26/5/2021) là 93.555.000 đồng. Xét, việc rút yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà Nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[11] *Về yêu cầu khởi kiện đòi Bị đơn thanh toán nợ gốc là 5.934.400.000 đồng:*

[12] Xét, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 ngày 05/01/2021 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/NGT-MTX/2021 ngày 18/01/2021 được các bên tự nguyện giao kết, có nội dung và hình thức không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định pháp luật.

[13] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 ngày 05/01/2021 trị giá 13.243.230.000 đồng (đã bao gồm VAT) và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/NGT-MTX/2021 ngày 18/01/2021 điều chỉnh giá trị Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 là 13.097.700.000 đồng (đã bao gồm VAT), nội dung thỏa thuận là Bị đơn chịu trách nhiệm nhập mua Tấm pin năng lượng mặt trời và bán lại cho Nguyên đơn; Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho Bị đơn.

[14] Theo Điều 2 Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/NGT-MTX/2021, Nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán 100% tiền hàng cho Bị đơn theo các đợt như sau:

Đợt 1: Thanh toán 3.972.969.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng;

Đợt 2: Thanh toán 3.929.310.000 đồng trễ nhất trước 12h00 ngày 18/01/2021;

Đợt 3: Thanh toán 5.195.421.000 đồng trước 12h00 ngày 20/01/2021”

[15] Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng cho Bị đơn với tổng số tiền 13.097.700.000 đồng theo Chứng từ giao dịch ngày 06/01/2021 số tiền 3.972.969.000 đồng; Phiếu báo nợ ngày 16/01/2021 số tiền 3.929.310.000 đồng; Phiếu báo nợ ngày 26/01/2021 số tiền 5.195.421.000 đồng). Tuy nhiên, Bị đơn không giao hàng theo đúng tiến độ, Bị đơn chỉ mới hoàn tất giao 1980/4620 tấm pin năng lượng mặt trời cho Nguyên đơn.

[16] Căn cứ Công văn số 15/CV-CTY/NGT-21 ngày 02/4/2021 của Bị đơn gửi cho Nguyên đơn và Biên bản làm việc ngày 19/3/2021 giữa hai bên, Bị đơn đề nghị việc xử lý trả hàng/hoàn tiền sẽ được thực hiện chậm nhất vào ngày 15/4/2021; trường hợp không thể giao hàng thì sẽ thu xếp hoàn tiền. Thực tế cho đến nay, Bị đơn vẫn không thực hiện được nghĩa vụ giao đúng và đầy đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng.

[17] Tại Thư yêu cầu xác nhận công nợ, Bị đơn xác nhận tính đến ngày 26/5/2021, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 2640 tấm pin năng lượng mặt trời tương ứng số tiền 7.484.400.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán một phần công nợ bằng việc giao hàng là bộ nghịch lưu S, thiết bị giám sát Sungrow để cản trừ công nợ theo Hóa đơn số 0000080 ngày 28/10/2021 với số tiền 1.150.000.000 đồng; Hóa đơn số 0000082 ngày 17/11/2021 với số tiền 400.000.000 đồng. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2022, Bị đơn xác nhận đến cuối ngày 31/12/2021, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 5.934.400.000 đồng.

[18] Đến nay, Bị đơn vẫn chưa thanh toán cho Nguyên đơn bất kỳ khoản thanh toán nào của số tiền trên, do đó Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn hoàn trả số tiền nợ gốc còn lại 5.934.400.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[19] *Về yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả:*

[20] Xét, Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền mua hàng mà Nguyên đơn đã thanh toán. Căn cứ Công văn số 15/CV-CTY/NGT-21 ngày 02/4/2021 của Bị đơn và Công văn số 04/CV-MTX-21 ngày 12/4/2021 của Nguyên đơn đều thể hiện thời hạn chậm nhất để Bị đơn hoàn tiền trong trường hợp không giao được hàng là ngày 15/4/2021. Đến thời hạn, Bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ số tiền 7.484.400.000 đồng nên phải có nghĩa vụ chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại như quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Án lệ số 09/2016/AL; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[21] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 12.5%/năm là không vượt quá mức 15.05%/năm lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời

điểm hiện nay của 03 Ngân hàng (Bao gồm: Ngân hàng TMCP N1 với LSQH là 15%/năm; Ngân hàng TMCP C với LSQH là 18.75%/năm và Ngân hàng N2 và P triển Nông thôn Việt Nam với LSQH là 11.4%/năm) nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất chậm trả theo yêu cầu của Nguyên đơn.

[22] Xét, Nguyên đơn đồng ý nhận một số hàng hóa là bộ nghịch lưu S, thiết bị giám sát Sungrow để cản trừ công nợ theo Hóa đơn số 0000080 ngày 28/10/2021 với số tiền 1.150.000.000 đồng; Hóa đơn số 0000082 ngày 17/11/2021 với số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, Nguyên đơn đã tính tiền lãi chậm trả tương ứng thời hạn và dư nợ gốc giảm dần, cụ thể:

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 7.484.400.000 đồng x 194 ngày (từ ngày 16/4/2021 đến ngày 27/10/2021) x 12.5%/năm = 497.251.233 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 6.334.400.000 đồng x 19 ngày (từ ngày 28/10/2021 đến ngày 16/11/2021) là 41.216.986 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 5.934.400.000 đồng x 1024 ngày (tạm tính từ ngày 17/11/2021 đến ngày 06/9/2024) là 2.081.104.658 đồng.

Tổng số tiền lãi là 2.619.572.877 đồng.

Như vậy, số tiền lãi chậm trả mà Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[23] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

[24] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/9/2024 là 8.553.972.877 đồng, bao gồm nợ gốc là 5.934.400.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 2.619.572.877 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[25] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[26] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Nguyên đơn; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Án lệ số 09/2016/AL; Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH S1 buộc Bị đơn – Công ty TNHH N thanh toán tiền phạt do vi phạm hợp đồng, số tiền là 93.555.000 đồng;

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Công ty TNHH S1 buộc Bị đơn – Công ty TNHH N thanh toán ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật các khoản tiền sau:

- Tiền nợ gốc là 5.934.400.000 đồng do không thực hiện được nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐMB-SOLAR/NGT-MTX/2021 ngày 05/01/2021 và Phụ lục hợp đồng ngày 18/01/2021;

- Tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất 12.5%/năm, cụ thể:

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 7.484.400.000 đồng x 194 ngày (từ ngày 16/4/2021 đến ngày 27/10/2021) x 12.5%/năm = 497.251.233 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 6.334.400.000 đồng x 19 ngày (từ ngày 28/10/2021 đến ngày 16/11/2021) là 41.216.986 đồng;

+ Tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 5.934.400.000 đồng x 1024 ngày (tạm tính từ ngày 17/11/2021 đến ngày 06/9/2024) là 2.081.104.658 đồng.

Tổng cộng là 8.553.972.877 đồng (*Tám tỷ, năm trăm năm mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.553.973 đồng (Một trăm mười sáu triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty TNHH S1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.040.550 đồng (Năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi nghìn, năm trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038019 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp ..

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Huỳnh